TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2025
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hồ Thanh Tòng.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**
2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lý Ngọc Thảo -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 596/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp ly hôn và nuôi con*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXX-ST ngày 15/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2025.

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hoàng O**, sinh năm 1986 (có mặt)
- Bị đơn**:** Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện L, tỉnh VL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng O trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T đi đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, được hai bên gia đình chấp thuận tiến hành tổ chức lễ vào ngày 29/02/2003 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 188 ngày 25/3/2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng cùng sống tại ấp L, xã T, huyện L, tỉnh VL. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11/2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị và gia đình hai bên đã cố gắng khuyên can nhưng không thành. Mâu thuẩn vợ chồng phát sinh trầm trọng hơn hết vào tháng 4/2024, anh Tòa đã có hành vi đánh đập, đe dọa sức khỏe, tính mạng của chị, tinh thần chị hoang mang lo sợ khi sống chung với anh T nên chị đã ly thân với anh T

từ tháng 4/2024 đến nay. Nay chị Nguyễn Thị Hoàng O cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn sống hạnh phúc được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: có 02 con chung

- Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/12/2004 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/02/2014. Hiện nay đang sống với anh T. Khi ly hôn theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung của vợ chồng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa, cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu ly hôn của chị O theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng qui định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh T nhưng chị không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng O khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Anh T có nơi cư trú tại Hiếu Liên, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Chị O và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thành vào ngày 25/3/2004 được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa chị O và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cải vả nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do hai bên trong thời gian dài không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ vợ chồng, tình trạng mâu thuẩn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng, không thể sống chung và chị đã ly thân anh T từ tháng 4/2024 cho đến nay. Nên chị Nguyễn Thị Hoàng O yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẩn vợ chồng giữa chị O và anh T đã kéo dài nhiều năm, mặc dù đã cố gắng để tìm được tiếng nói chung, hàn gắn mâu thuẩn nhưng không đạt được kết quả. Chị O và anh T đã sống ly thân cả hai đều đi làm thuê, anh T sống một mình nhưng anh vẫn không tạo điều kiện hàn gắng và chị O cũng không quay trở về cùng anh xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Vì vậy, xác định mâu thuẩn vợ chồng giữa chị O vá anh T là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị O yêu cầu ly hôn với anh T là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: có 02 con chung

- Cháu Nguyễn Đức Tín, sinh ngày 25/12/2004 hiện đã thành niên nên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Cháu Nguyễn Hữu Trí, sinh ngày 22/02/2014. Hiện nay đang sống với anh T. Khi cha mẹ ly hôn cháu Trí có nguyện vọng sống với mẹ và chị O cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Trí, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị O và anh T không còn sống chung chị O đã về sinh sống bên gia đình mẹ ruột tại ấp Hiếu Liên, xã Hiếu Thành. Hằng ngày cháu Trí cũng ở nhà với bà ngoại, được ngoại chăm sóc và nuôi dưỡng (do nhà của anh T ở rất gần nhà cha mẹ ruột của chị O). Khi anh T không có ở nhà thì cháu Trí cũng được bà ngoại chăm sóc và chị O cũng thường xuyên về thăm nom, chu cấp tiền cho mẹ ruột để nuôi cháu Trí học tập, cũng như mọi sinh hoạt của cháu, anh T thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc con chung. Để đảm bảo điều kiện học tập cũng như sinh hoạt của cháu Trí diễn ra bình thường, không bị xáo trộn ảnh hưởng xấu đến thành tích học tập cũng như sự phát triển tâm, sinh lý của cháu Trí, nên có cơ sở để chấp nhận giao cháu cháu Trí cho chị O nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị O xác định chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51 , Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng O

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng O được ly hôn anh Nguyễn Đức T

2/. Về con chung: Cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/3/1997 hiện đã thành niên nên, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/02/2014 cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con

3/. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị O xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/.Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân: Chị O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^0 0009674 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị O đã nộp không phải nộp thêm.

5/.Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Ủy ban nhân dân xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hồ Thanh Tòng